

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày 01 - 12 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẠCH THÔNG, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Doanh**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Đình Thỏa**

Bà **Nguyễn Thị Gấm**

Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Văn Thuận** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông tham gia phiên tòa:
Ông **Nông Triệu Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2022/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Anh T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 29/02/1980 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKTT và chỗ ở: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Cán bộ Lâm trường B thuộc Công ty TNHH MTV L; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T1 và bà Bùi Thị G; vợ là Triệu Thị K; có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Hoàng Đình T** - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H - Vắng mặt (tại phiên tòa bị cáo từ chối người bào chữa).

* *Nguyên đơn dân sự:*

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Đại diện theo pháp luật: Ông **Đình Quang H** - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Tiến S** - Chức vụ: Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B (Văn bản ủy quyền số:

2602/UBND-VP ngày 29/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Công ty TNHH MTV L** - Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Văn T** - Giám đốc Công ty TNHH MTV L (Văn bản ủy quyền số: 39/GUQ-CT ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV L) - Có mặt.

- **Phan Văn T** - Sinh năm 1987

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- **Triệu Phúc C** - sinh năm 1993

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- **Đinh Ngọc C** - sinh năm 1980

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1985

trú tại Thôn B, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt

- **Phùng Văn H**, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 10A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- **Hoàng Văn N**, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt

- **Vũ Văn L**, sinh năm 1995

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

- **Vũ Đình V**, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2021, Đinh Ngọc C (sinh năm 1980; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B) đến Đội Lâm nghiệp Q gặp Trần Anh T, là Đội trưởng Đội lâm nghiệp Q của Lâm trường B thuộc Công ty TNHH MTV L. T nói với C hiện nay về việc Lâm trường B có kế hoạch trồng rừng tại khu vực K thuộc thôn B, xã Q với diện tích khoảng 05 ha nên ưu tiên các hộ gia đình có vườn quýt ở gần các lô rừng nằm trong kế hoạch trồng rừng của Lâm trường B để tiện cho việc phát, đốt, và chăm sóc cây, ăn chia theo tỷ lệ 70-30 (Gia đình C phát rừng, đốt, trồng,

chăm sóc cây hương 70%, Lâm trường B lo thủ tục giấy tờ, cây giống hương 30%) và C đồng ý. T nói tiếp nếu nhận làm thì đi phát luôn cho kịp thời vụ. Khi về nhà, C nói lại với vợ là Nguyễn Thị Thu H (sinh năm 1982; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B) thì H đồng ý. Khoảng 1 tuần sau, T gọi điện thoại cho C đã phát rừng chưa thì H nghe máy nói là chuẩn bị đi phát rừng. Đến tháng 4/2021, C cùng vợ và em vợ là Nguyễn Thị S (sinh năm 1985; Trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B) mỗi người mang theo 01 con dao để phát rừng và chặt các cây gỗ tự nhiên trong khu rừng trên. Cũng trong tháng 4/2021, C đến Đội lâm nghiệp Q chơi. T có hỏi về tiến độ phát rừng, C nói đang phát rồi. Quá trình đi lại tại xã Q, T có gặp H và hỏi về tiến độ phát rừng. H nói đang phát sắp xong rồi. Đến ngày 30/4/2021, Hoàng Văn N (sinh năm 1983; Trú tại: Thôn B, xã L, huyện B) là cán bộ Xí nghiệp giống N cùng T đến chân lô rừng để thiết kế ngoại nghiệp (phác thảo bản đồ mộc) đã thấy gia đình C đang tiến hành phát khu rừng trên, C, H, S đi phát rừng trong khoảng 10 ngày thì không phát nữa. Sau đó quá trình đi lại, C gặp T nói không phát hết diện tích do không có người làm, T đồng ý. Đến tháng 5/2021, gia đình C tiến hành đào hố trồng cây keo giống (T cung cấp). Trong quá trình C đang đào hố trồng cây thì Phan Văn T (sinh năm 1987; trú tại: Thôn B, xã Q, huyện B) đến hỏi C và H về các cây gỗ Giẻ (nhóm VII) còn đứng đã bị đốt cháy phần gốc lấy về được không. C, H bảo T đến gặp Trần Anh T hỏi thì T nói đã hỏi Trần Anh T rồi. Sau đó, T nhờ Triệu Phúc C (sinh năm 1993; Trú tại Thôn B, xã Q, huyện B) dùng máy cưa khai thác 04 cây gỗ Giẻ trong diện tích khu rừng trên với khối lượng là 1,89m³. Số gỗ này T đã mang 12 khúc có khối lượng 0,359m³ về nhà, còn lại hiện trường.

Ngày 02/7/2021 và ngày 04/3/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CQCSĐT) Công an huyện Bạch Thông phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường khu rừng bị phát phá, kết quả:

Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 1794-QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn thì vị trí khu vực bị phát phá thuộc các lô sau:

- Lô 64, khoảnh 3, tiểu khu 391, diện tích 0,8497 ha, trạng thái là rừng hỗn giao tre nứa - gỗ tái sinh sau khai thác trắng núi đất (HG2), chức năng rừng sản xuất. Lâm sản thiệt hại gồm 86 cây gỗ tự nhiên có khối lượng 10,28m³ gỗ (nhóm VI-VIII), 1639 cây vầu (đường kính từ 03 - 08 cm).

- Lô 73 diện tích 0,0294 ha, lâm sản thiệt hại gồm 04 cây gỗ tự nhiên khối lượng 0,632m³ gỗ (nhóm VII), 57 cây vầu (đường kính từ 03 - 08 cm). Lô 49 diện tích 0,0317 ha, lâm sản thiệt hại gồm 03 cây gỗ tự nhiên khối lượng 0,47m³ gỗ (nhóm VI-VIII), 6 cây vầu (đường kính từ 3 - 8 cm). Lô 59 diện tích 0,0155 ha, lâm sản thiệt hại gồm 01 cây gỗ tự nhiên khối lượng 0,056m³ (nhóm VII), 30 cây vầu (đường kính từ 3 - 8 cm) đều thuộc khoảnh 3, tiểu khu 391, trạng thái rừng gỗ trồng núi đất, chức năng rừng sản xuất.

Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 2/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bạch Thông kết luận:

Tại thời điểm tháng 5/2021, tổng số 86 cây gỗ tự nhiên gồm Giẻ, Bứa, Chẹo, Kháo, Lõi Khoai, Sung, Trám, SP, Ngát, Đu Đủ Rừng, Máu Chó (nhóm VI đến nhóm VIII) có tổng khối lượng là 10,28m³ có giá là 11.800.420 đồng và 1639 cây vầu có đường kính trung bình từ 03 đến 08 cm có giá là 9.834.000 đồng. Tổng về giá của tài sản: 21.634.420 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKSBT ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận sự thỏa thuận việc bị cáo bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 9.834.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- + Tịch thu tiêu hủy: 03 con dao thu giữ của Đinh Ngọc C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị S.

- + Trả lại cho Triệu Phúc C 01 máy cưa nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam, đã qua sử dụng, có lưỡi lam và xích.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 58.834.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm như cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt. T thừa nhận là người trực tiếp rà soát, đăng ký diện tích trồng rừng mới năm 2021 của Đội lâm nghiệp Q lên Lâm trường B (trong đó có lô 64 khoảnh 3 tiểu khu 391). Sau đó, Lâm trường B đăng ký lên và được Công ty L phê duyệt, giao chỉ tiêu cho Lâm trường B, Đội lâm nghiệp. Việc đăng ký chỉ tiêu của Công ty L chỉ có tổng diện tích cần thực hiện không có từng lô, khoảnh, hiện trạng thực tế. T căn cứ vào bản đồ trồng rừng hằng năm, bản đồ phương án sử dụng đất của Công ty L và theo sự chỉ đạo của Công ty loại rừng đưa vào trồng mới là rừng trồng không thành rừng và rừng trồng sau khai

thác trắng để đăng ký, thực hiện, chỉ đạo hộ gia đình Đinh Ngọc C phát, phá lô 64 để trồng rừng mới.

Đại diện của Công ty L có ý kiến: Căn cứ quy định tại khoản 7, khoản 10 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 7 của Luật Lâm nghiệp 2017 thì lô 64 là rừng tái sinh sau khai thác rừng trồng nên là rừng trồng và thuộc quyền sở hữu của L, không phải do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B quản lý. Công ty L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường diện tích rừng bị hủy hoại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn T không có ý kiến về bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 3/2021, thực hiện chỉ tiêu trồng rừng do Lâm trường B và Công ty L giao, Trần Anh T đã chỉ đạo gia đình Đinh Ngọc C phát phá trái pháp luật 8.497m² trạng thái rừng hỗn giao tre nứa - gỗ tái sinh sau khai thác trắng núi đất (HG2), chức năng rừng sản xuất tại lô 64, khoảnh 3, tiểu khu 391 thuộc khu vực K, thôn B, xã Q, huyện B gây thiệt hại 86 cây gỗ tự nhiên từ nhóm VI đến nhóm VIII và 1639 cây vầu có đường kính từ 03 - 08 cm có tổng giá trị là 21.634.420 đồng.

Khi chỉ đạo gia đình Đinh Ngọc C phát phá, Trần Anh T biết rõ hiện trạng rừng tại lô 64 khoảnh 3 tiểu khu 391 nhưng không làm thủ tục xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền, không được cơ quan chức năng cấp phép, không tiến hành rà soát hiện trạng thực tế, không căn cứ vào bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Q năm 2018 ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày

26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn và lô rừng chưa có hồ sơ thiết kế được Công ty L phê duyệt. Do đó, Cáo trạng số 32/CT-VKSBT ngày 28/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bạch Thông truy tố bị cáo Trần Anh T về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a)...

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m²) đến dưới 10.000 mét vuông (m²);

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

...”

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra đã xâm phạm đến chế độ về quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, tổn hại đến môi trường vì vậy cần buộc bị cáo phải chịu một hình phạt nhất định nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

- Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra, truy tố, ngày 13/9/2022, bị cáo nộp số tiền 8.834.000 đồng để đảm bảo việc bồi thường nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm, thu nhập ổn định, ngày 25/11/2022 bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án, thực hiện hành vi không vi động cơ vụ lợi cá nhân. HĐXX xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền được quy định trong Điều luật để áp dụng cho bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và tính phòng ngừa chung cho xã hội. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. *Hình phạt bổ sung:* HĐXX không xem xét áp dụng.

[5]. Đối với hành vi trực tiếp phát, phá rừng của Đinh Ngọc C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị S, quá trình điều tra xác định do tin tưởng Trần Anh T là cán bộ Lâm trường B nói Lâm trường có kế hoạch và lo mọi thủ tục trồng rừng nên đã nhận lời phát, phá rừng. Hành vi của Đinh Ngọc C, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị S không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông không xử lý hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Phan Văn T có hành vi khai thác trái phép 04 cây gỗ Giẻ với khối lượng 1,789m³ hành vi của T chưa cấu thành tội phạm nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông chuyển hồ sơ cho Hạt Kiểm lâm huyện Bạch Thông xử phạt hành chính đối với T là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Triệu Phúc C được Phan Văn T nhờ đi khai thác hộ các cây gỗ Giẻ nhưng do trước đó T đã nói với C đã xin Lâm trường B nên C tin tưởng mới đi khai thác nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông không xem xét xử ký Cao là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Phùng Văn H - Giám đốc Lâm trường B đã chỉ đạo T rà soát các lô rừng đủ điều kiện trồng rừng theo chỉ tiêu hàng năm (rừng trồng sau khai thác trắng). H được T báo cáo tổng diện tích đủ điều kiện để phát rừng trồng cây nhưng không báo cáo hiện trạng thực tế từng lô rừng trong đó có lô 64 nên H không biết, không chỉ đạo phát phá lô rừng trên nên hành vi của H không đủ căn cứ xử lý hành sự. Tuy nhiên, với vai trò là Giám đốc Lâm trường B, H không kiểm tra, giám sát chặt chẽ để xảy ra vụ việc T chỉ đạo phát phá lô rừng trên nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông đã đề nghị Công ty L xử lý đối với Phùng Văn H là đúng quy định.

Đối với Hoàng Văn N đi thiết kế ngoại nghiệp nhưng thời điểm đi thiết kế, lô 64 đã bị phát phá nên N không thực hiện hết các bước của công tác ngoại nghiệp và vẫn lập danh sách lô rừng bị phát phá để Công ty L phê duyệt thiết kế là chưa thực hiện hết trách nhiệm nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông đã đề nghị Công ty L xử lý đối với Hoàng Văn N là đúng quy định.

Đối với Vũ Văn L cán bộ thiết kế Xí nghiệp giống N, được thực hiện công tác nội nghiệp quá trình thực hiện đúng quy định nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông không xem xét xử lý.

Đối với Vũ Đình V - Giám đốc Xí nghiệp giống N, quá trình Hoàng Văn N thiết kế ngoại nghiệp không báo cáo ông Vinh về hiện trạng lô 64 nên V không biết và lô rừng bị phá trước khi N thiết kế ngoại nghiệp nên hành vi của V không đủ căn cứ xử lý hình sự. Tuy nhiên, với vai trò là Giám đốc Xí nghiệp giống N, ông V đã không kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện thiết kế ngoại nghiệp của N nên CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông đã đề nghị Công ty L xử lý đối với ông Vũ Đình V là đúng quy định.

Đối với Công ty L có chủ trương đối tượng trồng rừng mới là đất trồng không thành rừng và rừng trồng sau khai thác trắng. Việc đưa diện tích rừng vào

trồng mới còn phải đối chiếu các quy định của pháp luật hiện hành nếu đủ điều kiện mới tiến hành thiết kế, sau đó mới được triển khai phát rừng, trồng mới rừng. Công ty có chủ trương thiết kế ngoại nghiệp đến đâu thì tiến hành phát rừng đến đó để kịp thời vụ nên việc Trần Anh T đi rà soát nhưng không báo cáo hiện trạng thực tế lô 64, khoảng 3, tiểu khu 391 cho Lãnh đạo Công ty mà thực hiện chỉ đạo phát lô rừng trên trước khi thiết kế ngoại nghiệp là không đúng chủ trương của Công ty. Công ty không chỉ đạo Lâm trường B, Đội lâm nghiệp Q cho phát phá rừng trước khi tiến hành thiết kế ngoại nghiệp nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Công ty L.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Ngày 13/9/2022, bị cáo T đã nộp số tiền 8.834.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện B. Trong đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại giá trị của các cây vầu tại lô số 64 là 9.834.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền trên. Xét thấy việc bị cáo bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện B là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Công ty L không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Đối với ý kiến của Công ty L cho rằng lô 64 là rừng sản xuất và thuộc sở hữu của Công ty L, HĐXX nhận thấy tại khoản 10 Điều 2 của Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định: “Quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng bao gồm chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt của chủ rừng đối với cây trồng, vật nuôi và tài sản gắn liền với rừng do chủ rừng đầu tư trong thời hạn được giao, được thuê để trồng rừng”. Như vậy, Công ty L không có quyền sở hữu đối với những cây rừng tự nhiên tại Lô 64 nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của Công ty L.

[8]. *Về vật chứng*:

- Đối với 94 cây gỗ nhóm VI, VII, VIII khối lượng 11,428m³ gỗ tròn, CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông đã trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện B để quản lý theo Biên bản giao nhận lập ngày 05/12/2021.

- Đối với 0,43m³ gỗ Giẻ còn tại hiện trường do Phan Văn T khai thác, Hạt kiểm lâm huyện Bạch Thông đã tịch thu sung quỹ nhà nước theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03/QĐ-XPHC ngày 26/01/2022.

- 01 (một) chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam, đã qua sử dụng, có lưỡi lam dài 60cm và xích thu của Triệu Phúc C trả lại cho C.

- 01 con dao bằng kim loại có tra cán gỗ, tổng chiều dài 43 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 28 cm, phần cán dao bằng gỗ có chiều dài 15cm, phần thân dao rộng nhất 5cm thu giữ của Đinh Ngọc C; 01 con dao bằng kim loại, phần mũi dao cong xuống có tổng chiều dài 40 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 30 cm, phần cán dao bằng kim

loại có chiều dài 10cm, phần thân dao rộng nhất đo được 4 cm thu giữ của Nguyễn Thị Thu H; 01 con dao bằng kim loại có tra cán gỗ, phần mũi dao cong xuống có tổng chiều dài 52 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 33,5 cm, phần cán dao bằng kim loại có chiều dài 9,5 cm, phần cán gỗ được tra thêm dài 9 cm, phần thân dao rộng nhất đo được 5 cm thu giữ của Nguyễn Thị S cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 8.834.000 đồng bị cáo nộp ngày 13/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho Ủy ban nhân dân huyện B.

- Số tiền 50.000.000 đồng bị cáo nộp ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Anh T phạm: “Tội hủy hoại rừng”.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trần Anh T 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận bị cáo Trần Anh T bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện B số tiền 9.834.000đ (chín triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 8.834.000đ (tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000511 ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông. Bị cáo Trần Anh T còn phải tiếp tục bồi thường 1.000.000đ (một triệu đồng) cho Ủy ban nhân dân huyện B.

“Lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

* *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại có tra cán gỗ, tổng chiều dài 43 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 28 cm, phần cán dao bằng gỗ có chiều dài 15cm, phần thân dao rộng nhất 5cm; 01 (một) con dao bằng kim loại, phần mũi dao cong xuống có tổng chiều dài 40 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 30 cm, phần cán dao bằng kim loại có chiều dài 10cm, phần thân dao rộng nhất đo được 4 cm; 01

(một) con dao bằng kim loại có tra cán gỗ, phần mũi dao cong xuống có tổng chiều dài 52 cm đã qua sử dụng, phần thân dao bằng kim loại có chiều dài 33,5 cm, phần cán dao bằng kim loại có chiều dài 9,5 cm, phần cán gỗ được tra thêm dài 9 cm, phần thân dao rộng nhất đo được 5 cm.

- Trả lại cho Triệu Phúc C: 01 (một) chiếc cưa máy nhãn hiệu HUSQVARNA 365 màu cam, đã qua sử dụng, có lưỡi lam dài 60cm và xích.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 29/9/2022 giữa CQCSĐT Công an huyện Bạch Thông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 8.834.000đ (tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000511 ngày 13/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho Ủy ban nhân dân huyện B.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo Biên lai thu số 0000521 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bạch Thông để đảm bảo nghĩa vụ thi hành hình phạt tiền cho bị cáo.

* *Về án phí:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Bị cáo Trần Anh T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

* *Quyền kháng cáo:* Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện Bạch Thông;
- Bị cáo, các đương sự;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện Bạch Thông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Doanh

